



xīng qī yī

星期一

noun · Monday

Example Sentences

xīng qī yī wǒ yào qù shàng bān
星期一我要去上班。

I have to go to work on Monday.

měi gè xīng qī yī wǒ men dōu yǒu huì yì
每个星期一我们都有会议。

We have a meeting every Monday.

Trace each character, then write the word on your own.

星	星	星	星	星	星	星	星	星	星	星
星										

期	期	期	期	期	期	期	期	期	期	期
期	期	期	期							

一	一	一	一							